TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HSST
Ngày: 11/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Lợi

2. Bà Lê Thị Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 1.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 185/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1426/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc D (Tên gọi khác: D Mắt Nai), sinh ngày 29 tháng 6 năm 1986, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 123 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z; chỗ ở hiện nay: 123 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z; nghề nghiệp: Bốc xếp; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị L; có vợ Dương Thị Thu T; có hai con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án: Ngày 29 tháng 12 năm 2017, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo bản án số 264/2017/HSST; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22 tháng 6 năm 2004 bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Cướp tài sản" theo bản án số: 983/HSST, ngày 16 tháng 11 năm 2006 bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dục do có hành vi cố ý gây thương tích, ngày 09 tháng 3 năm 2012 bị Ủy ban nhân dân Quận 1 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo quyết định số: 389/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 7 năm 2014 bị Ủy ban nhân dân Quận 1 áp dụng biện pháp quản lý sau cai

nghiện trong thời hạn 24 tháng theo quyết định số: 1069/QĐ-UBND; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 03 tháng 7 năm 2020 tại nhà tạm giữ Công an Quận 1. (có mặt)

Người bị hại: Bà Dương Kim T1, sinh năm: 1951; nơi cư trú: 111 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Vũ Cường S, sinh năm: 1979; chỗ ở hiện nay: 154 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1959; chỗ ở hiện nay: 141 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (có mặt)

- Bà Trần Thị Mỹ L2, sinh năm 1971; chỗ ở hiện nay: 165 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Bà Dương Thị Thu T2, sinh năm 1983; chỗ ở hiện nay: 531 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (có mặt)

- Ông Nguyễn Phước M, sinh năm: 1986; chỗ ở hiện nay: 654 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Ngọc T3, sinh năm: 1987; chỗ ở hiện nay: 190 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm: 1993; chỗ ở hiện nay: 112 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

- Ông Trần Văn T4, sinh năm: 1995; chỗ ở hiện nay: 146 đường X, phường Y, Quận T, Thành phố Z. (vắng mặt)

Người bào chữa: Ông Trịnh Vĩnh P – Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Vĩnh P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc D. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2020, Nguyễn Ngọc D điều khiển xe môtô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 59T2-191.82 đi vào hẻm 178 Cô Giang, phường Cô Giang, Quận 1 nhìn thấy bà Dương Kim T1 đang đeo túi xách đứng trước nhà nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. D điều khiển xe dựng trước nhà số 171/16 Cô Bắc, phường Cô Giang, Quận 1 thông với hẻm 178 Cô Giang, phường Cô Giang, Quận 1 tay phải D cầm 01 con dao đi bộ đuổi theo bà T1 đến trước nhà số 178/15 Cô Giang, phường Cô Giang, Quận 1 thì lấy dao áp sát, đe dọa bà T1 yêu cầu đưa tài sản nhưng bà T1 không đưa thì bị D dùng tay trái giật túi xách

của bà T1 nhưng bà T1 giữ lại thì D dùng dao đâm vào gáy bà T1 gây thương tích rồi giật túi xách, ném dao lại rồi chạy bộ ra xe môtô tẩu thoát. Bà T1 được người nhà đưa đi Bệnh viện đa khoa Sài Gòn cấp cứu rồi đến Công an phường Cô Giang, Quận 1 trình báo sự việc. Riêng thương tích của bà T1 do D gây ra, bà T1 bãi nại, từ chối giám định thương tật.

Sau khi chiếm đoạt được tài sản của bà T1, D mang xe môtô gửi tại bãi giữ xe của bà Trần Thị Mỹ L2 tại hẻm 168 Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 rồi bỏ trốn. Sau đấy, D gửi điện thoại di động hiệu Iphone 6S trong túi xách đã chiếm đoạt của bà T1 cho người xe ôm không rõ nhân thân, lai lịch mang về nhà cho bà Nguyễn Thị L1 là mẹ của D để trả lại cho bà T1. Ngày 28 và ngày 30 tháng 6 tháng 2020 bà Dương Thị Thu T2 là vợ của D đã trả lại 15.000.000 đồng (tiền cá nhân của bà T2) và điện thoại di động trên cho bà T1.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và truy nã đối với D. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày D ra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Ngoài ra, quá trình điều tra D khai Nguyễn Phước M, Nguyễn Ngọc T3, Nguyễn Hoài H, Trần Văn T4 giúp D lẩn trốn nhưng không có cơ sở xác định các đối tượng này biết D đã thực hiện hành vi "Cướp tài sản" nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không xử lý hình sự là có cơ sở.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 155/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 túi xách màu đen không rõ nhãn hiệu, chất liệu từ chối định giá và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S 64Gb có giá trị 2.867.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 187/CT-VKSQ1 ngày 17 ngày 11 tháng 2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc D về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, bị cáo D đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo D đã phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo D phạm tội thuộc trường hợp sử dụng vũ khí, tái phạm nguy hiểm nên cần có mức án nghiêm khắc. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo D được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự

nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D từ 09 (chín) năm tù đến 10 (mười) năm tù, miễn hình phạt tiền cho bị cáo D.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- 01 túi xách màu đen bên trong có 01 tờ giấy đảm bảo vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng ND, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S số Imei 353317073834880 đã thu hồi trả lại bị hại bà T1; số tiền 15.000.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Kim T1 chưa thu hồi được nhưng bà T2 là vợ của bị cáo D đã bồi thường cho bà T1 và bà T1 không có yêu cầu nào khác.

- 01 con dao bằng kim loại, cán nhựa màu vàng dài 21 cm; 01 đôi dép tổ ong; 01 khẩu trang y tế; 01 áo khoác màu đỏ in chữ GoViet; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ ghi chữ Goviet đã qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe môtô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 59T2-191.82 cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Bào chữa cho bị cáo D, ông Trịnh Vĩnh P – Luật sư Văn phòng luật sư Trịnh Vĩnh P thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt nhưng có bài bào chữa thống nhất không tranh luận về tội danh, điểm, khoản mà Viện kiểm sát truy tố, chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả, bị cáo ra đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa, bị cáo D đã khai nhận hành vi phạm tội như kết luận điều tra và cáo trạng truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì và nói lời sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo D tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai, bản tự trình bày, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú,… nên có căn cứ để kết luận, khoảng 02 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trước nhà số 178/15 Cô Giang, phường Cô Giang, Quận

1, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo D đã có hành vi dùng dao đâm vào gáy của bà T1 gây thương tích để cướp túi xách của bà T1, sau đấy bị cáo ra đầu thú rồi bị bắt. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo D đã phạm vào tội "Cướp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với quyết tâm cao, bị cáo đã sử dụng dao gây thương tích chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Đây là hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm cho tính mạng, sức khoẻ của người bị hại, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình trật tự trị an tại địa phương theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân rất xấu bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội cướp tài sản, bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vào cơ sở giáo dục do có hành vi cố ý gây thương tích, bị Ủy ban nhân dân Quận 1 đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy lại có tiền án về tội cướp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội thể hiện thái độ xem thường pháp luật đồng thời thuộc trường hợp định khung là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự nên cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả, bị cáo ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Do đó, bị cáo D có

thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với 01 túi xách màu đen bên trong có 01 tờ giấy đảm bảo vàng của Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng ND, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S số Imei 353317073834880 của bà T1 đã được thu hồi và trả lại cho bà T1; số tiền 15.000.000 đồng và 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Kim T1 chưa thu hồi được nhưng bà T2 là vợ của bị cáo D đã bồi thường cho bà T1 số tiền trên và bà T1 không có yêu cầu nào nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với 01 con dao bằng kim loại, cán nhựa màu vàng dài 21 cm là vật chứng của vụ án; 01 đôi dép tổ ong; 01 khẩu trang y tế; 01 áo khoác màu đỏ in chữ GoViet; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ ghi chữ Goviet thu giữ của bị cáo D, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe môtô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 59T2-191.82 thu giữ của bị cáo D. Qua xác minh xe trên do ông Nguyễn Vũ Cường S, sinh năm 1979, trú tại số 46/27B1 Trần Đình Xu, phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên sở hữu. Ông S khai ông đã bán xe trên cho bị cáo D nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Bị cáo D khai nhận xe trên bị cáo mua của ông S, bị cáo D sử dụng để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên án về tội cướp tài sản: Tuyên bố: Nguyễn Ngọc D (Tên gọi khác: D Mắt Nai), phạm tội "Cướp tài sản".

Căn cứ điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại, cán nhựa màu vàng dài 21 cm; 01 (một) đôi dép tổ ong màu trắng; 01 (một) khẩu trang y tế màu xanh; 01 (một) áo khoác màu đỏ in chữ GoViet; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đỏ ghi chữ Goviet.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave màu đỏ, biển số 59T2-191.82, số máy: JA39E0663283, số khung: RLHJA3909HY684243.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 128/20-PNK ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị L1, bà Dương Thị Thu T2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP. HCM;
- Công an Quận 1, TP. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Ngọc Tuân